

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CẦU NGANG
TỈNH TRÀ VINH**

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 30/2020/HNGĐ-ST

Ngày 23/7/2020.

*“V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi
con khi ly hôn”*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CẦU NGANG TỈNH TRÀ VINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lý Thanh Lâm.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Huỳnh Văn Dương.

Ông Kim Na Rinh.

- Thư ký phiên tòa: Ông Chung Hữu Toàn, là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cầu Ngang, tỉnh Trà Vinh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cầu Ngang, tỉnh Trà Vinh tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Tấn An – Kiểm sát viên.

Trong ngày 23 tháng 7 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cầu Ngang, tỉnh Trà Vinh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 260/2020/TLST-HNGĐ, ngày 26/5/2020, về việc *“Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn”* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 46/2020/QĐXXST-HN, ngày 09/7/2020 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Trương Thị Hạnh N, sinh năm 1989. Địa chỉ: Ấp N, xã M, huyện C, tỉnh Trà Vinh. Có mặt.

Bị đơn: Anh Trần Văn Q, sinh năm 1986. Địa chỉ: Ấp N, xã M, huyện C, tỉnh Trà Vinh. Vắng mặt, có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 12/5/2020 và trong quá trình xét xử nguyên đơn Chị Trương Thị Hạnh N trình bày:

- Về hôn nhân: Chị và anh Q xác lập hôn nhân và có đăng ký kết hôn vào ngày 05/7/2012 tại Ủy ban nhân dân xã L, huyện D, tỉnh Trà Vinh, vợ chồng cùng đi đăng ký kết hôn. Khi tiến đến hôn nhân, chị và anh Q có quen nhau gần 01 năm rồi tiến hành lễ cưới theo phong tục tập quán. Nữ trang sau ngày cưới đã bán hết không còn. Quá trình chung sống, đến cuối năm 2017 thì phát sinh mâu thuẫn,

nguyên nhân do anh Q đi làm thợ sắt, sáng đi đến tối mới về nhà, lúc đầu anh Q nhậu ít, sau đó anh bắt đầu uống rượu thường xuyên, luôn đi về khuya trong tình trạng say rượu, không quan tâm đến vợ con và công việc gia đình, mỗi lần chị góp ý thì cãi vã bất hòa với nhau, làm cho tình cảm vợ chồng ngày càng rạn nứt, sống không có hạnh phúc, do anh Q không thay đổi lối sống, sự việc kéo dài đến tháng 11 năm 2019 chị không thể nào chung sống được và tự ý thuê nhà trọ sống riêng đến nay, chị thấy tình cảm giữa chị và anh Q không còn, nay chị yêu cầu giải quyết cho chị được ly hôn với anh Q.

- *Về nuôi con tên:* Trần Quý N, sinh ngày 02/3/2014 và Trần Bảo C, sinh ngày 02/8/2017. Chị xin được quyền nuôi dưỡng con tên Trần Bảo C và giao con tên Trần Quý N cho anh Q được quyền nuôi dưỡng, khi ly hôn.

- *Về cấp dưỡng nuôi con, tài sản chung vợ chồng và số nợ phải thu, phải trả:* Chị không tranh chấp, không khởi kiện. Ngoài ra chị không yêu cầu gì khác.

Tại phiên tòa hôm nay, Anh Trần Văn Q là bị đơn trong vụ án vắng mặt lần thứ nhất và có làm đơn yêu cầu Tòa án xét xử vắng mặt nên không có lời trình bày.

Lời phát biểu của Kiểm sát viên.

- *Về việc tuân theo pháp luật:* Thủ tục thụ lý hồ sơ vụ án, xác định quan hệ pháp luật, xác định người tham gia tố tụng, thành phần tham gia phiên họp tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, thành phần Hội đồng xét xử đều đúng quy định pháp luật. Các văn bản tố tụng từ khi nhận đơn khởi kiện đến khi Quyết định đưa vụ án ra xét xử đều tổng đạt đầy đủ cho các đương sự nhận. Tại phiên tòa Hội đồng xét xử đã tiến hành đúng trình tự thủ tục theo quy định Bộ luật Tố tụng dân sự.

- *Về giải quyết vụ án:* Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận đơn khởi kiện của chị N, xử cho chị N được ly hôn với anh Q, giao con tên Trần Bảo C cho chị N nuôi dưỡng và giao con tên Trần Quý N cho anh Q nuôi dưỡng khi ly hôn. Về cấp dưỡng nuôi con, tài sản chung vợ chồng và số nợ phải thu, phải trả, do các đương sự không tranh chấp, không khởi kiện nên không xem xét giải quyết. Buộc chị N phải nộp 300.000 đồng án phí.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định.

[1]. Về thủ tục tố tụng: Xét thấy anh Q là bị đơn trong vụ án, tại phiên tòa anh Q vắng mặt lần thứ nhất và có làm đơn yêu cầu xét xử vắng mặt. Căn cứ Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt anh Q theo quy định pháp luật.

[2]. Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Xét thấy chị N khởi kiện anh Q yêu cầu giải quyết cho chị được ly hôn với anh Q, chị N xin được quyền nuôi dưỡng con tên Trần Bảo C và giao con tên Trần Quý N cho anh Q được quyền nuôi dưỡng khi ly hôn, ngoài ra chị không có yêu cầu gì khác. Căn cứ khoản 1 Điều 28 của Bộ

luật Tổ tụng dân sự, xác định quan hệ pháp luật là “*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn*”, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án.

[3]. Về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đối với bị đơn:

- *Về hôn nhân*: Xét thấy chị N, anh Q xác lập hôn nhân và có đăng ký kết hôn vào ngày 05/7/2012 tại Ủy ban nhân dân xã L, huyện D, tỉnh Trà Vinh, vợ chồng cùng đi đăng ký kết hôn, từ đó xác định đây là hôn nhân hợp pháp. Nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng:

Chị N khai: Quá trình chung sống, đến năm 2017 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do anh Q đi làm thợ sắt, sáng đi đến tối mới về nhà, lúc đầu anh Q nhậu ít, sau đó anh bắt đầu uống rượu thường xuyên, luôn đi về khuya trong tình trạng say rượu, không quan tâm đến vợ con và công việc gia đình, mỗi lần chị góp ý thì cãi vã bất hòa với nhau, làm cho tình cảm vợ chồng ngày càng rạn nứt, sống không có hạnh phúc, do anh Q không thay đổi lối sống, sự việc kéo dài đến tháng 11 năm 2019 chị không thể nào chung sống được và tự ý thuê nhà trọ sống riêng đến nay, chị thấy tình cảm giữa chị và anh Q không còn, nay chị yêu cầu giải quyết cho chị được ly hôn với anh Q.

Đối với anh Q, Tòa án giao thông báo thụ lý vụ án và thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải cho anh Q nhận nhiều lần, nhưng anh Q đều vắng mặt không lý do, nên phiên hòa giải đoàn tụ không tiến hành được, hôm nay tại phiên tòa lần thứ nhất anh Q tiếp tục vắng mặt và anh cũng không gửi văn bản ý kiến của mình về quan hệ hôn nhân mà chị N yêu cầu giải quyết.

Xét thấy khi mâu thuẫn xảy ra từ năm 2017 đến nay, chị N và anh Q đều bỏ mặt, mạnh ai nấy sống, không quan tâm đến tình nghĩa vợ chồng, chị N và anh Q ly thân từ tháng 11 năm 2019 đến nay gần 09 tháng, nhưng anh Q và chị N không trao đổi việc hàn gắn đoàn tụ vợ chồng, tại phiên tòa hôm nay chị N xác định tình cảm vợ chồng không còn và cương quyết xin ly hôn không chung sống với anh Q, từ đó khả năng hàn gắn đoàn tụ vợ chồng là không có kết quả.

Xét thấy mâu thuẫn tình cảm vợ chồng giữa chị N và anh Q là trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Căn cứ Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử chấp nhận đơn khởi kiện của chị N, xử cho chị N được ly hôn với anh Q là phù hợp quy định pháp luật.

- *Về nuôi con*: Xét thấy chị N và anh Q chung sống sinh 02 người con tên Trần Quý N, sinh ngày 02/3/2014 và Trần Bảo C, sinh ngày 02/8/2017. Thời gian ly thân từ tháng 11 năm 2019 đến nay, cháu Nhân sống với anh Q, còn cháu Châu sống với chị N và được nuôi dưỡng, chăm sóc chu đáo về mọi mặt. Tại phiên tòa chị N xin được quyền nuôi dưỡng con tên Châu và giao con tên Nhân cho anh Q nuôi dưỡng khi ly hôn, quá trình giải quyết vụ án, anh Q đều vắng mặt, anh không gửi văn bản cho Tòa án biết ý kiến của anh về quyền nuôi dưỡng con khi ly hôn. Xét thấy hiện cháu Nhân sống với anh Q, còn cháu Châu sống với chị N, để tạo

điều kiện cho 02 cháu có cuộc sống ổn định mục đích nhằm phát triển về thể chất và tinh thần. Căn cứ Điều 81 của Luật hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử giao cháu Nhân cho anh Q nuôi dưỡng và giao cháu Châu cho chị N được quyền nuôi dưỡng khi ly hôn là phù hợp với quy định pháp luật.

- *Về cấp dưỡng nuôi con, tài sản chung vợ chồng và số nợ phải thu, phải trả:* Chị N không tranh chấp, không khởi kiện. Hội đồng xét xử không xem xét.

[4]. Về án phí hôn nhân sơ thẩm: Buộc Chị Trương Thị Hạnh N nộp 300.000 đồng.

[5]. Xét lời trình bày của Kiểm sát viên về trình tự thủ tục tố tụng và hướng giải quyết vụ án nêu trên là phù hợp với quy định pháp luật và được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, các Điều 147, 227, 228; 235, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ các Điều 51, 53, 54, 56, 57, 58, 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận đơn khởi kiện của Chị Trương Thị Hạnh N.

- *Về hôn nhân:* Xử cho Chị Trương Thị Hạnh N được ly hôn với Anh Trần Văn Q.

- *Về nuôi con:*

+ Anh Trần Văn Q được quyền trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng con tên Trần Quý N, sinh ngày 02/3/2014, khi ly hôn.

+ Chị Trương Thị Hạnh N được quyền trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng con tên Trần Bảo C, sinh ngày 02/8/2017, khi ly hôn.

+ Anh Trần Văn Q và Chị Trương Thị Hạnh N có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được quyền ngăn cản. Người trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

- *Về án phí hôn nhân sơ thẩm:* Buộc Chị Trương Thị Hạnh N nộp 300.000 đồng nhưng được trừ vào 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí mà chị N đã nộp theo biên lai thu tiền số 0008599, ngày 18/5/2020 do Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cầu Ngang thu. Chị Trương Thị Hạnh N đã nộp đủ án phí.

- *Về quyền kháng cáo:*

+ Chị Trương Thị Hạnh N có mặt tại phiên tòa có quyền làm đơn kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

+ Anh Trần Văn Q vắng mặt tại phiên tòa có quyền làm đơn kháng cáo trong hạn 15 ngày, tính từ ngày anh nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt, niêm yết hợp lệ theo quy định./.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 02 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự”.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Trà Vinh;
- VKSND huyện, tỉnh;
- Chi Cục THADS huyện;
- UBND xã L, Thị xã D, tỉnh Trà Vinh.
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Lý Thanh Lâm